

Số: /KH-UBND

Vĩnh Thông, ngày tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Hoạt động và dự toán ngân sách các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Vĩnh Thông năm 2027

Thực hiện Công văn số 2117/SKHCN-VP ngày 18/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027. UBND xã Vĩnh Thông xây dựng Kế hoạch hoạt động và dự toán chi các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, năm 2027 với các nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Trong thời gian qua, UBND xã Vĩnh Thông tập trung triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, UBND xã đã ban hành các kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến chuyển đổi số, Đề án 06, phong trào Bình dân học vụ số, Chiến dịch 100 ngày số hóa, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, phổ cập chữ ký số công cộng và các nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ trên địa bàn.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Bình dân học vụ số, phổ cập kỹ năng số cho người dân.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- UBND xã Vĩnh Thông đã quan tâm thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống; từng bước đưa các thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của xã.

- Trong lĩnh vực sản xuất, xã đã lập kế hoạch triển khai mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm thông minh trên diện tích 0,1 ha tại thôn Thanh Sơn, bước đầu hỗ trợ người dân tiếp cận ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Bên cạnh đó, xã đang triển khai mô hình “Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt” nhằm giúp người dân làm quen với các ứng dụng trí tuệ nhân tạo

trong học tập, tìm kiếm thông tin và phục vụ đời sống; tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng số, ứng dụng AI cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng số và trí tuệ nhân tạo trong xử lý công việc chuyên môn từng bước được quan tâm, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tham mưu và hiệu quả giải quyết công việc.

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo chỉ đạo của cấp trên.

2.2. Về chuyển đổi số

2.2.1. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

- Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 503 thủ tục hành chính, trong đó, số dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 332 thủ tục, số dịch vụ công trực tuyến một phần là 171 thủ tục.

- Trong 6 tháng đầu năm 2026 (tính đến hết ngày 10/6/2026), UBND xã đã tiếp nhận 376 hồ sơ trực tuyến; không phát sinh hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và hình thức khác. Lũy kế đến thời điểm báo cáo đã tiếp nhận 1087 hồ sơ trực tuyến, không có hồ sơ trực tiếp, hình thức khác.

- Kết quả các chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVCTT (theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ); kết quả cung cấp DVCTT liên quan đến doanh nghiệp; cung cấp DVCTT phi địa giới hành chính; việc liên thông, tái sử dụng dữ liệu.

- + Theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 766/QĐ-TTg, UBND xã đạt kết quả như sau:

- + Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt: 10/10 điểm.

- + Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt: Từ 01/01/2026 đến thời điểm báo cáo đạt 100%; từ 01/7/2025 -10/6/2026 đạt 83,3%.

- + Mức độ hài lòng của người dân đạt 18/18 điểm.

- + Công khai minh bạch đạt 18/18 điểm.

- + Thanh toán trực tuyến đạt 10/10 điểm.

- + Tiến độ giải quyết công việc đạt 19,3/20 điểm.

- + Dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; các dịch vụ công trực tuyến phi địa giới hành chính được triển khai theo quy định. Công tác liên thông, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

- UBND xã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; kịp thời phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết và các quy định còn vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tăng cường tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu đã góp phần giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân. Trong kỳ báo cáo, xã chưa có nội dung đề xuất cắt giảm điều kiện kinh doanh.

- UBND xã duy trì việc khai thác, sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đồng bộ dữ liệu theo quy định.

- UBND xã tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số công cộng và các tiện ích số trong thực hiện thủ tục hành chính.

2.2.2. Về hạ tầng, kiến trúc số

- Hạ tầng viễn thông trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập internet và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số. So với đầu năm 2025, hạ tầng viễn thông tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ phủ sóng 4G đạt 95%, 5G đạt 0%. Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục rà soát, khắc phục 05 thôn có điểm lõm sóng, 01 thôn trắng sóng ảnh hưởng đến việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- UBND xã đã trang bị hệ thống máy tính, mạng nội bộ, đường truyền internet và các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn. Hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và khai thác các hệ thống thông tin dùng chung; bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan.

2.2.3. Về các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực

UBND xã tiếp tục triển khai, khai thác và sử dụng hiệu quả các nền tảng số quốc gia và nền tảng số dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, tài khoản định danh điện tử VNeID và các nền tảng phục vụ thực hiện Đề án 06 của Chính phủ.

2.2.4. Về dữ liệu số

- UBND xã thực hiện khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin dùng chung theo phân cấp, hướng dẫn

của cơ quan có thẩm quyền, phục vụ công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ.

- Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 99%. Dữ liệu hộ tịch điện tử được cập nhật, khai thác theo quy định; các dữ liệu chuyên ngành khác được quản lý, sử dụng trên các hệ thống chuyên ngành của cấp có thẩm quyền.

- Việc kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được thực hiện hiệu quả; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 92,7%. Dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cơ bản bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, từng bước giảm việc sử dụng hồ sơ giấy. Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa do cấp xã quản lý nên việc khai thác, sử dụng phụ thuộc vào tiến độ cập nhật, hoàn thiện của cơ quan quản lý chuyên ngành.

2.2.5. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- UBND xã đã tổ chức 01 hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng số, ứng dụng AI, cải cách hành chính cho 63 cán bộ, công chức, viên chức; 01 hội nghị quán triệt, phát động đợt cao điểm cấp chữ ký số công cộng, số hóa và làm sạch dữ liệu đất đai cho đội ngũ CBCCVV xã; 01 hội nghị tập huấn về nâng cao kỹ năng số cho các thành viên tổ CNS cộng đồng với 125 thành viên tham gia.

- UBND xã đã bố trí 01 công chức chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tham mưu triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn.

2.3. Về xã hội số

- UBND xã đã triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Chương trình số 02 của Ban Chỉ đạo Trung ương, tập trung vào cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân; triển khai phong trào Bình dân học vụ số, Bình dân học AI, phổ cập chữ ký số công cộng và các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của cấp trên.

- Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần giảm thời gian đi lại, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

- Tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, thành viên tổ CNS cộng đồng và người dân.

- Triển khai các đợt cao điểm hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng chữ ký số công cộng, VNeID và dịch vụ công trực tuyến.

2.4. Về an toàn thông tin

- Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng

và phòng chống lừa đảo trên không gian mạng.

- Thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Tồn tại, hạn chế

- Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn xã chủ yếu tập trung vào ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ hiện có; chưa có các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ quy mô lớn. Nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; việc tiếp cận các công nghệ mới của người dân và một số cơ sở sản xuất, kinh doanh còn gặp khó khăn.

- Nguồn nhân lực có trình độ chuyên sâu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và các công nghệ mới tại cấp xã còn hạn chế; việc tiếp cận, cập nhật kiến thức chuyên môn đối với các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số và chuyển đổi số chuyên sâu chủ yếu thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn.

- Hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở chưa thực sự đồng bộ. Kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc khai thác hiệu quả các dịch vụ số; Một số hệ thống, nền tảng số trong quá trình sử dụng đôi khi còn xảy ra tình trạng quá tải hoặc lỗi kỹ thuật, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc tại cơ sở.

4. Nguyên nhân

- Việc ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất và đời sống còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của người dân và khả năng tiếp cận nguồn lực hỗ trợ, quy mô kinh tế.

- Cấp xã chưa có điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên gia trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; Nguồn kinh phí bố trí cho các hoạt động khoa học công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế; Khối lượng công việc lớn trong khi nguồn nhân lực thực hiện còn mỏng.

II. MỤC TIÊU NĂM 2027

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước; góp phần xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chính quyền số

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, ký số theo quy định.

- 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo các nền tảng số dùng chung,

ứng dụng AI trong hoạt động công vụ.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC phát sinh trực tuyến đạt 100% (đối với các DVCTT toàn trình).
- Duy trì tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.
- 100% cán bộ, công chức sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Kinh tế số

- 100% hợp tác xã trên địa bàn được tuyên truyền, hướng dẫn ứng dụng công nghệ số.
- 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực của địa phương được quảng bá trên môi trường số.
- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt.

2.3. Xã hội số

- Trên 95% người dân trưởng thành có tài khoản định danh điện tử mức độ 2.
- Trên 70% người dân trưởng thành có chữ ký số công cộng.
- 100% thôn tổ chức tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số cho người dân.
- Duy trì hoạt động hiệu quả các Tổ công nghệ số cộng đồng.

2.4. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Duy trì, nhân rộng các mô hình ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, đặc biệt là các giải pháp trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi.
- Khuyến khích các sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả công việc tại cơ quan, đơn vị.
- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

2.5. An toàn thông tin

- 100% cán bộ, công chức được tuyên truyền, tập huấn về an toàn thông tin mạng.
- Không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học công nghệ; khuyến khích ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống; triển khai các nhiệm vụ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo chỉ đạo của cấp trên.

3. Phát triển hạ tầng số và dữ liệu số

Khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin, các nền tảng số dùng chung; tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu; cập nhật, làm sạch và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước.

Triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong cơ quan nhà nước; rà soát, phối hợp thực hiện việc sử dụng IPv6 đối với hạ tầng mạng và các hệ thống thông tin theo lộ trình của tỉnh và Trung ương.

4. Phát triển chính quyền số

Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tăng cường sử dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử, dịch vụ công trực tuyến.

5. Phát triển kinh tế số

Hỗ trợ hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử; quảng bá sản phẩm địa phương trên môi trường số.

6. Phát triển xã hội số

Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng; tiếp tục hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt.

7. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Tuyên truyền, phổ biến các công cụ AI; Tiếp tục duy trì khai thác công cụ AI (Misa) để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

8. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tăng cường tuyên truyền phòng chống lừa đảo trên không gian mạng; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 theo phân cấp ngân sách hiện hành; lồng ghép với các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm (chậm nhất ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo) hoặc đột xuất tham mưu UBND xã báo cáo theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị; các thôn

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ

được giao.

- Căn cứ danh mục nhiệm vụ tại Kế hoạch và các quy định hiện hành, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện (nếu có) trình cấp có thẩm quyền xem xét.
- Khuyến khích áp dụng phù hợp hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với các dịch vụ, sản phẩm phục vụ chuyển đổi số.
- Định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm (chậm nhất ngày 12 của tháng cuối kỳ báo cáo) hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội).

3. Phòng Kinh tế

- Phối hợp tham mưu UBND xã cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo khả năng ngân sách và quy định hiện hành.
- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

4. Công an xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã.
- Triển khai các nội dung bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2027

(Chi tiết Danh sách nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 tại Phụ lục kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch hoạt động và dự toán ngân sách các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027 của UBND xã Vĩnh Thông./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chung